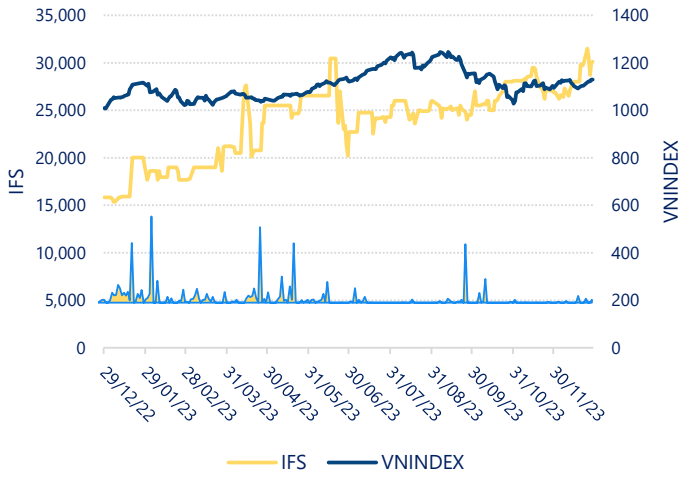
KẾT QUẢ KINH DOANH

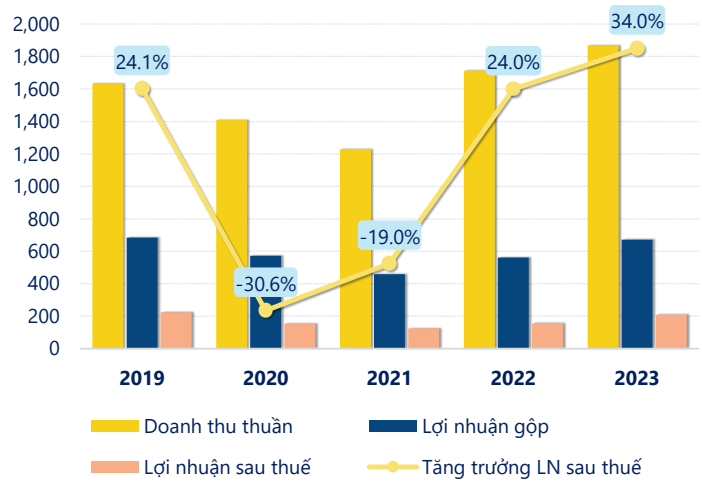
Ngày 29/12/2023	30,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.9%	**18.0%**	**32.5%**

Lịch sử giá



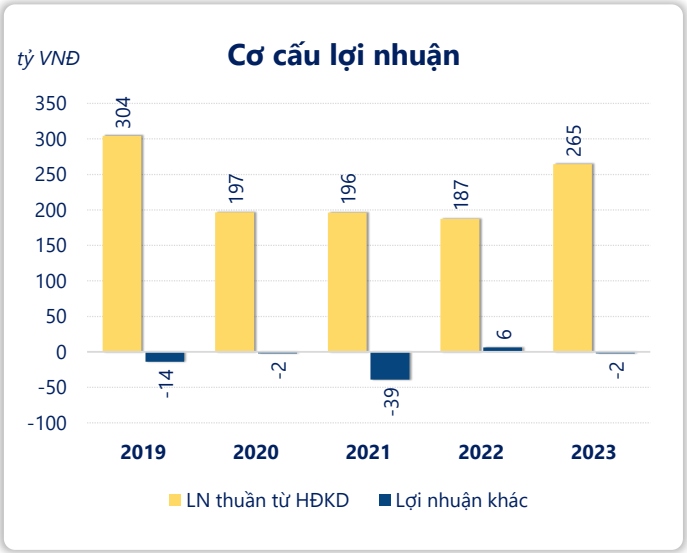
	2023	YoY
DT thuần	**1,868** *tỷ VNĐ*	▲ 155 ▲ 9.1%
LN gộp	**671** *tỷ VNĐ*	▲ 109 ▲ 19.5%
LN thuần	**265** *tỷ VNĐ*	▲ 78.0 ▲ 41.2%
LN sau thuế	**209** *tỷ VNĐ*	▲ 53.0 ▲ 34.0%
ROE	**17.0%**	+/- YoY ▲ 3.2%
ROA	**14.3%**	+/- YoY ▲ 2.9%

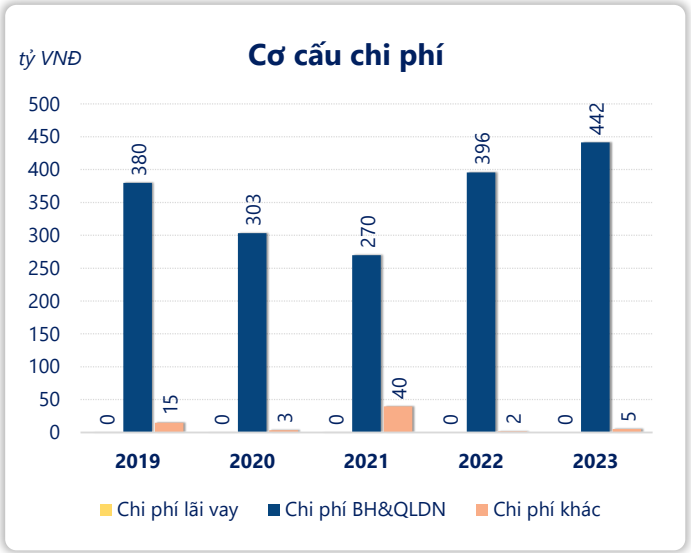
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **IFS** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **1,868** tỷ đồng **tăng 9.08%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 34.0%** đạt **208.6** tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **17.0%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

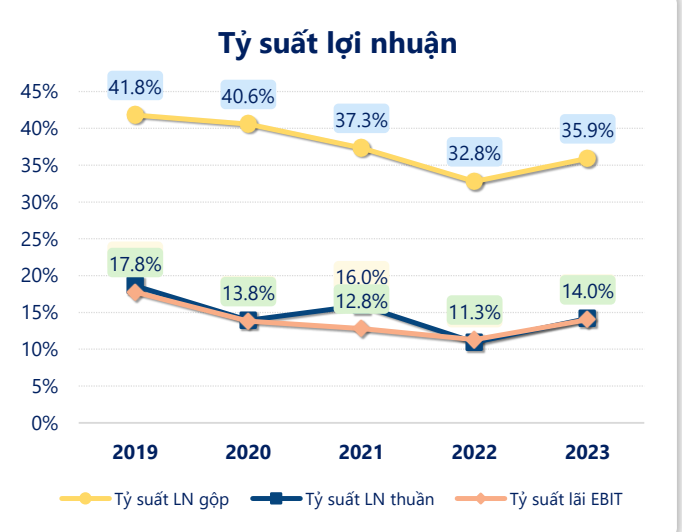


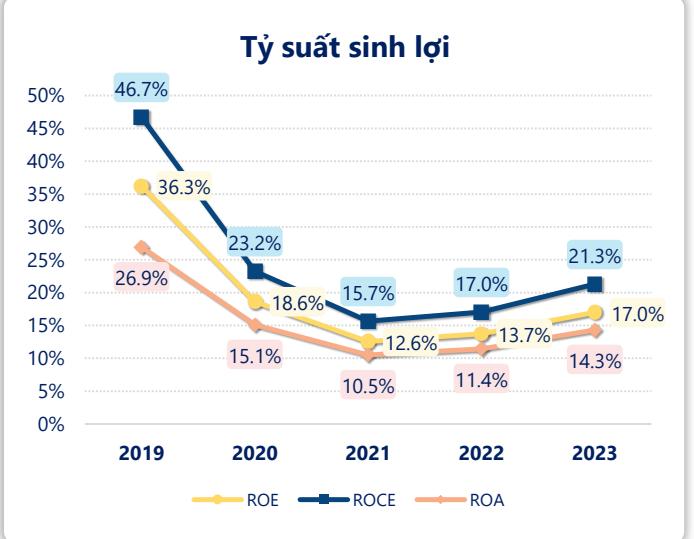


Năm **2023**, **IFS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **264.6** tỷ đồng, **tăng lên 77.22** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (229.8 tỷ đồng) là 34.84 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

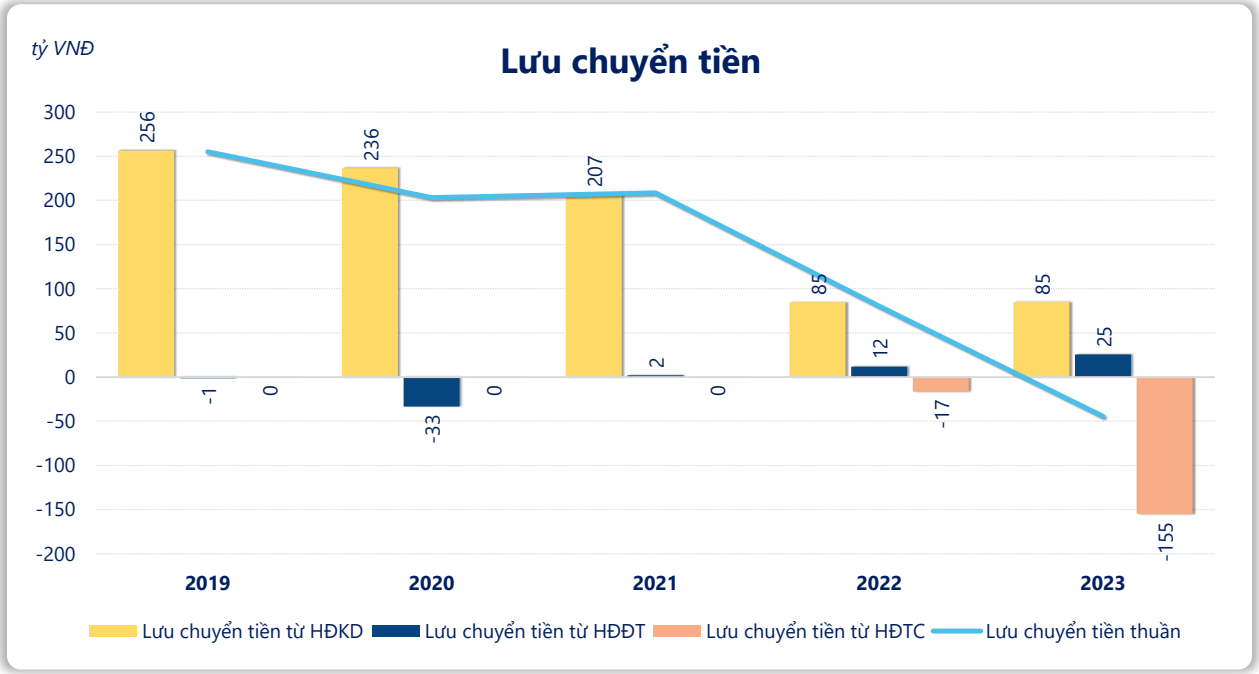
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **441.6** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **5.47** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của IFS năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **17.0%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**1,635**	**1,409**	**1,229**	**1,713**	**1,868**
Giá vốn hàng bán	951	837	770	1,151	1,197
Lợi nhuận gộp	**683**	**572**	**459**	**562**	**671**
Doanh thu HĐTC	3.09	4.12	7.23	22.1	35.5
Chi phí TC	2.59	76.3	0.21	0.47	0.22
Chi phí lãi vay	**0.03**	**0.02**	**0.01**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	344	267	233	359	398
Chi phí QLDN	36.0	35.7	36.4	36.5	43.3
LN thuần từ HĐKD	**304**	**197**	**196**	**187**	**265**
Lợi nhuận khác	-13.9	-2.12	-39.0	6.15	-2.40
LN trước thuế	**290**	**194**	**157**	**194**	**262**
Lợi nhuận sau thuế	**223**	**155**	**126**	**156**	**209**
LNST của CĐ cty mẹ	**224**	**155**	**126**	**156**	**209**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của IFS bằng **-44.53** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (80.26 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **85.08** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **25.48** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-155.1** tỷ đồng.